

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non

Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non; Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định¹:

¹ Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có căn cứ ban hành như sau :

“Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non; Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Bao gồm 6 nhóm lớp sau :

- Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi.
- Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi.
- Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi.
- Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi.
- Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi.
- Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

Điều 2². Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2010. Thông tư này thay thế Quyết định số 2227/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục Đồ chơi - Thiết bị tối thiểu phục vụ thí điểm chương trình đổi mới Giáo dục mầm non. Các quy định trước đây, trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Căn cứ vào Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư này, các sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc mua sắm, tự làm, sưu tầm, sử dụng và bảo quản thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 4. Chánh Văn phòng; Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 01/VBHN-BGDĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nghĩa

² Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013, quy định như sau:

“Điều 2. Căn cứ danh mục thiết bị sửa đổi, bổ sung ban hành tại Thông tư này, các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo việc mua sắm, tự làm, sưu tầm, sử dụng và bảo quản thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.”

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
NHÓM TRẺ 3 - 12 THÁNG TUỔI (15 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ - ĐỒ CHƠI	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN011001	Giá phơi khăn mặt	Cái	1	Trẻ	
2	MN011002	Tủ (giá) ca, cốc	Cái	1	Trẻ	
3	MN011003	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2	Trẻ	
4	MN011004	Tủ đựng chăn, chiếu, màn	Cái	2	Trẻ	
5	MN011005	Giường chơi	Cái	2	Trẻ	
6	MN011006	Phản	Cái	4	Trẻ	
7	MN011007	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
8	MN011008	Bàn cho trẻ	Cái	2	Trẻ	
9	MN011009	Ghế cho trẻ	Cái	10	Trẻ	
10	MN011010	Ghế giáo viên	Cái	3	Giáo viên	
11	MN011011	Bàn quần tã	Cái	1	Trẻ	
12	MN011012	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
13	MN011013	Thùng đựng rác	Cái	1	Dùng chung	
14	MN011014	Xô	Cái	2	Trẻ	
15	MN011015	Giá để giày dép	Cái	1	Trẻ	
16	MN011016	Cốc uống nước	Cái	15	Trẻ	
17	MN011017	Bô có ghế tựa và nắp đậy	Cái	5	Trẻ	
18	MN011018	Chậu	Cái	2	Trẻ	
19	MN011019	Tì vi màu	Cái	1	Dùng chung	
20	MN011020	Đầu đĩa DVD	Cái	1	Dùng chung	
21	MN011021	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	2	Trẻ	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
22	MN012022	Bóng nhỏ	Quả	6	Trẻ	
23	MN012023	Bóng to	Quả	6	Trẻ	
24	MN012024	Xe ngồi đẩy	Cái	1	Trẻ	
25	MN012025	Xe đẩy tập đi	Cái	1	Trẻ	
26	MN012026	Gà mô thóc	Con	6	Trẻ	
27	MN012027	Hè tháp	Con	6	Trẻ	
28	MN012028	Bộ xếp vòng tháp	Bộ	6	Trẻ	
29	MN012029	Bộ khối hình	Bộ	5	Dùng chung	
30	MN012030	Xe chuyển động vui	Cái	3	Trẻ	
31	MN012031	Lục lạc	Cái	3	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ - ĐỒ CHƠI	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
32	MN012032	Bộ tranh nhận biết tập nói	Bộ	2	Dùng chung	
33	MN012033	Búp bê bé trai	Con	3	Trẻ	
34	MN012034	Búp bê bé gái	Con	3	Trẻ	
35	MN012035	Xe cũi thả hình	Cái	2	Trẻ	
36	MN012036	Chút chút các loại	Con	6	Trẻ	
37	MN012037	Thú nhồi	Con	6	Trẻ	
38	MN012038	Xúc xắc các loại	Cái	6	Trẻ	
39	MN012039	Xắc xô to	Cái	1	Giáo viên	
40	MN012040	Trống con	Cái	3	Trẻ	
41	MN012041	Chuỗi dây xúc xắc	Chuỗi	4	Trẻ	
42	MN012042	Bộ tranh nhận biết - Tập nói	Bộ	1	Giáo viên	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BĂNG ĐĨA				
43 ³		(được bãi bỏ)				
44 ⁴		(được bãi bỏ)				
45 ⁵		(được bãi bỏ)				
46 ⁶		(được bãi bỏ)				
47 ⁷		(được bãi bỏ)				
48 ⁸		(được bãi bỏ)				
49	MN013049	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru, thơ	Bộ	1	Giáo viên	
50	MN013050	Băng/đĩa âm thanh tiếng kêu của các con vật	Bộ	1	Giáo viên	

³ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁵ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁶ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁷ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁸ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
NHÓM TRẺ 12 - 24 THÁNG TUỔI (20 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN121001	Giá phơi khăn mặt	Cái	1	Trẻ	
2	MN121002	Tủ (giá) ca, cốc	Cái	1	Trẻ	
3	MN121003	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2	Trẻ	
4	MN121004	Tủ đựng chăn, chiếu, màn	Cái	2	Trẻ	
5	MN121005	Phân	Cái	10	Trẻ	
6	MN121006	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
7	MN121007	Giá để giày dép	Cái	1	Trẻ	
8	MN121008	Cốc uống nước	Cái	20	Trẻ	
9	MN121009	Bô có ghế tựa và nắp đậy	Cái	5	Trẻ	
10	MN121010	Xô	Cái	2	Trẻ	
11	MN121011	Chậu	Cái	2	Trẻ	
12	MN121012	Bàn cho trẻ	Cái	5	Trẻ	
13	MN121013	Ghế cho trẻ	Cái	20	Trẻ	
14	MN121014	Ghế giáo viên	Cái	3	Giáo viên	
15	MN121015	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
16	MN121016	Thùng đựng rác	Cái	1	Dùng chung	
17	MN121017	Ti vi màu	Cái	1	Dùng chung	
18	MN121018	Đầu đĩa DVD	Cái	1	Dùng chung	
19	MN121019	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	2	Trẻ	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
20	MN122020	Bóng nhỏ	Quả	20	Trẻ	
21	MN122021	Bóng to	Quả	6	Giáo viên	
22	MN122022	Gậy thể dục nhỏ	Cái	20	Trẻ	
23	MN122023	Vòng thể dục nhỏ	Cái	20	Trẻ	
24	MN122024	Vòng thể dục to	Cái	3	Giáo viên	
25	MN122025	Búa cộc	Bộ	2	Trẻ	
26	MN122026	Bập bênh	Cái	2	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
27	MN122027	Thú nhún	Con	2	Trẻ	
28	MN122028	Thú kéo dây	Con	2	Trẻ	
29	MN122029	Cổng chui	Cái	4	Trẻ	
30	MN122030	Xe ngồi có bánh	Cái	1	Trẻ	
31	MN122031	Lồng hộp vuông	Bộ	10	Trẻ	
32	MN122032	Lồng hộp tròn	Bộ	10	Trẻ	
33	MN122033	Bộ xâu dây	Bộ	5	Trẻ	
34	MN122034	Thả vòng	Bộ	2	Trẻ	
35	MN122035	Các con vật đẩy	Con	3	Trẻ	
36	MN122036	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	2	Trẻ	(28 chi tiết)
37	MN122037	Bộ nhận biết những con vật nuôi	Bộ	2	Trẻ	
38	MN122038	Giỏ trái cây	Giỏ	2	Trẻ	
39	MN122039	Búp bê bé trai	Con	5	Trẻ	
40	MN122040	Búp bê bé gái	Con	5	Trẻ	
41	MN122041	Hề tháp	Bộ	5	Trẻ	
42	MN122042	Khối hình to	Bộ	6	Trẻ	
43	MN122043	Khối hình nhỏ	Bộ	6	Trẻ	
44	MN122044	Xe cũi thả hình	Cái	3	Trẻ	
45	MN122045	Đồ chơi nhồi bông	Con	5	Trẻ	
46	MN122046	Xếp tháp	Bộ	5	Trẻ	
47	MN122047	Bút sáp, phấn vẽ ⁹	Hộp	20	Trẻ	
48	MN122048	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	2	Trẻ	
49	MN122049	Bộ tranh nhận biết, tập nói	Bộ tranh	3	Dùng chung	
50	MN122050	Xắc xô 2 mặt nhỏ	Cái	10	Trẻ	
51	MN122051	Xắc xô 2 mặt to	Cái	2	Giáo viên	
52	MN122052	Phách gỗ	Đôi	10	Trẻ	
53	MN122053	Trống cơm	Cái	2	Dùng chung	
54	MN122054	Trống con	Cái	5	Trẻ	

⁹ Cụm từ "Bút sáp, phấn vẽ, bút chì" được sửa đổi bởi cụm từ "Bút sáp, phấn vẽ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
55	MN122055	Đàn Xylophone	Cái	2	Trẻ	
56	MN122056	Đất nặn	hộp	20	Trẻ	
57	MN122057	Bảng con	cái	20	trẻ	
58	MN122058	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Bộ	2	Giáo viên	
59	MN122059	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Bộ	2	Giáo viên	
60	MN122060	Bộ nhận biết, tập nói	Bộ	1	Giáo viên	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BĂNG ĐĨA				
61 ¹⁰		<i>(được bãi bỏ)</i>				
62 ¹¹		<i>(được bãi bỏ)</i>				
63 ¹²		<i>(được bãi bỏ)</i>				
64 ¹³		<i>(được bãi bỏ)</i>				
65 ¹⁴		<i>(được bãi bỏ)</i>				
66 ¹⁵		<i>(được bãi bỏ)</i>				
67	MN123067	Băng/đĩa hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru, thơ	Bộ	1	Giáo viên	
68	MN123068	Băng/đĩa âm thanh tiếng kêu của các con vật	Bộ	1	Giáo viên	

¹⁰ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹¹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹² Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹³ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹⁴ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹⁵ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
NHÓM TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI (25 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN231001	Giá phơi khăn mặt	Cái	1	Trẻ	
2	MN231002	Tủ (giá) ca cốc	Cái	1	Trẻ	
3	MN231003	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	1	Trẻ	
4	MN231004	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Cái	1	Trẻ	
5	MN231005	Phản	Cái	13	Trẻ	
6	MN231006	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
7	MN231007	Giá để giày dép	Cái	1	Trẻ	
8	MN231008	Cốc uống nước	Cái	25	Trẻ	
9	MN231009	Bô có nắp đậy	Cái	5	Trẻ	
10	MN231010	Xô	Cái	2	Trẻ	
11	MN231011	Chậu	Cái	2	Trẻ	
12	MN231012	Bàn giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
13	MN231013	Ghế giáo viên	Cái	2	Giáo viên	
14	MN231014	Bàn cho trẻ	Cái	6	Trẻ	
15	MN231015	Ghế cho trẻ	Cái	25	Trẻ	
16	MN231016	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
17	MN231017	Thùng đựng rác	Cái	1	Dùng chung	
18	MN231018	Ti vi màu	Cái	1	Dùng chung	
19	MN231019	Đầu đĩa DVD	Cái	1	Dùng chung	
20	MN231020	Đàn Organ	Bộ	1	Giáo viên	
21	MN231021	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	4	Trẻ	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
22	MN232022	Bóng nhỏ	Quả	15	Trẻ	
23	MN232023	Bóng to	Quả	10	Trẻ	
24	MN232024	Gậy thể dục nhỏ	Cái	25	Trẻ	
25	MN232025	Gậy thể dục to	Cái	2	Giáo viên	
26	MN232026	Vòng thể dục nhỏ	Cái	25	Trẻ	
27	MN232027	Vòng thể dục to	Cái	2	Giáo viên	
28	MN232028	Bập bênh	Cái	2	Trẻ	
29	MN232029	Cồng chui	Cái	4	Trẻ	
30	MN232030	Cột ném bóng	Cái	2	Trẻ	
31	MN232031	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Bộ	5	Trẻ	
32	MN232032	Hộp thả hình	Bộ	5	Trẻ	
33	MN232033	Lồng hộp vuông	Bộ	5	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
34	MN232034	Lồng hộp tròn	Bộ	5	Trẻ	
35	MN232035	Bộ xâu hạt	Bé	10	Trẻ	
36	MN232036	Bộ xâu dây	Bộ	5	Trẻ	
37	MN232037	Bộ búa cọc	Bộ	5	Trẻ	
38	MN232038	Búa 3 bi 2 tầng	Bộ	2	Trẻ	
39	MN232039	Các con kéo dây có khớp	Con	3	Trẻ	
40	MN232040	Bộ tháo lắp vòng	Bộ	5	Trẻ	
41	MN232041	Bộ xây dựng trên xe	Bộ	2	Trẻ	(35 chi tiết)
42	MN232042	Hàng rào nhựa	Bộ	3	Trẻ	
43	MN232043	Bộ rau, củ, quả	Bộ	3	Trẻ	
44	MN232044	Đồ chơi các con vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Trẻ	
45	MN232045	Đồ chơi các con vật sống dưới nước	Bộ	2	Trẻ	
46	MN232046	Đồ chơi các con vật sống trong rừng	Bộ	2	Trẻ	
47	MN232047	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Bộ	2	Trẻ	
48	MN232048	Tranh ghép các con vật	Bộ	1	Trẻ	
49	MN232049	Tranh ghép các loại quả	Bộ	1	Trẻ	
50	MN232050	Đồ chơi nhồi bông	Bộ	1	Trẻ	
51	MN232051	Đồ chơi với cát	Bộ	2	Trẻ	
52	MN232052	Bảng quay 2 mặt	Bộ	1	Dùng chung	
53	MN232053	Tranh động vật nuôi trong gia đình	Bộ	1	Dùng chung	
54	MN232054	Tranh về các loại rau, củ, quả, hoa	Bộ	1	Dùng chung	
55	MN232055	Tranh các phương tiện giao thông	Bộ	1	Dùng chung	
56	MN232056	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1	Giáo viên	
57	MN232057	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Bộ	2	Giáo viên	
58	MN232058	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Bộ	2	Giáo viên	
59	MN232059	Lô tô các loại quả	Bộ	25	Dùng chung	
60	MN232060	Lô tô các con vật	Bộ	25	Dùng chung	
61	MN232061	Lô tô các phương tiện giao thông	Bộ	25	Dùng chung	
62	MN232062	Lô tô các hoa	Bộ	25	Dùng chung	
63	MN232063	Con rối	Bộ	1	Giáo viên	
64	MN232064	Khối hình to	Bộ	8	Trẻ	
65	MN232065	Khối hình nhỏ	Bộ	8	Trẻ	
66	MN232066	Búp bê bé trai (cao - thấp)	Con	4	Trẻ	
67	MN232067	Búp bê bé gái (cao - thấp)	Con	4	Trẻ	
68	MN232068	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3	Trẻ	
69	MN232069	Bộ bàn ghế giường tủ	Bộ	2	Trẻ	
70	MN232070	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	2	Trẻ	
71	MN232071	Giường búp bê	Bộ	2	Giáo viên	
72	MN232072	Xác xô to	Cái	1	Giáo viên	
73	MN232073	Xác xô nhỏ	Cái	10	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
74	MN232074	Phách gỗ	Đôi	10	Trẻ	
75	MN232075	Trống cơm	Cái	5	Trẻ	
76	MN232076	Xúc xắc	Cái	6	Trẻ	
77	MN232077	Trống con	Cái	10	Trẻ	
78	MN232078	Đất nặn	Hộp	25	Trẻ	
79	MN232079	Bút sáp, phấn vẽ ¹⁶	Hộp	25	Trẻ	
80	MN232080	Bảng con	Cái	15	Trẻ	
81	MN232081	Bộ nhận biết, tập nói,	Bộ	1	Giáo viên	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BẢNG ĐĨA				
82 ¹⁷		(được bãi bỏ)				
83 ¹⁸		(được bãi bỏ)				
84 ¹⁹		(được bãi bỏ)				
85 ²⁰		(được bãi bỏ)				
86 ²¹		(được bãi bỏ)				
87 ²²		(được bãi bỏ)				
88 ²³		(được bãi bỏ)				
89	MN233089	Bảng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru, thơ	Bộ	1	Giáo viên	
90	MN233090	Bảng/đĩa âm thanh tiếng kêu của các con vật	Bộ	1	Giáo viên	

¹⁶ Cụm từ "Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu" được sửa đổi bởi cụm từ "Bút sáp, phấn vẽ" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹⁷ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹⁸ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

¹⁹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²⁰ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²¹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²² Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²³ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
LỚP MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI (25 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN341001	Giá phơi khăn	Cái	1	Trẻ	
2	MN341002	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1	Trẻ	
3	MN341003	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2	Trẻ	
4	MN341004	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Cái	1	Trẻ	
5	MN341005	Phản	Cái	13	Trẻ	
6	MN341006	Cốc uống nước	Cái	25	Trẻ	
7	MN341007	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
8	MN341008	Giá để giày dép	Cái	2	Trẻ	
9	MN341009	Xô	Cái	2	Trẻ	
10	MN341010	Chậu	Cái	2	Trẻ	
11	MN341011	Bàn giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
12	MN341012	Ghế giáo viên	Cái	2	Giáo viên	
13	MN341013	Bàn cho trẻ	Cái	13	Trẻ	
14	MN341014	Ghế cho trẻ	Cái	25	Trẻ	
15	MN341015	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
16	MN341016	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	2	Dùng chung	
17	MN341017	Đầu DVD	Cái	1	Dùng chung	
18	MN341018	Ti vi	Cái	1	Dùng chung	
19	MN341019	Đàn organ	Cái	1	Giáo viên	
20	MN341020	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5	Trẻ	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
21	MN342021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	5	Trẻ	
22	MN342022	Mô hình hàm răng	Cái	2	Trẻ	
23	MN342023	Vòng thẻ đục to	Cái	2	Giáo viên	
24	MN342024	Gậy thẻ đục to	Cái	2	Giáo viên	
25	MN342025	Cột ném bóng	Cái	2	Trẻ	
26	MN342026	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	25	Trẻ	
27	MN342027	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	25	Trẻ	
28	MN342028	Xác xô	Cái	2	Giáo viên	
29	MN342029	Trống da	Cái	1	Giáo viên	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
30	MN342030	Cổng chui	Cái	3	Trẻ	
31	MN342031	Bóng nhỏ	Quả	25	Trẻ	
32	MN342032	Bóng to	Quả	5	Trẻ	
33	MN342033	Nguyên liệu để đan tết	kg	1	Trẻ	
34	MN342034	Kéo thủ công	Cái	25	Trẻ	
35	MN342035	Kéo văn phòng	Cái	1	Giáo viên	
36	MN342036	Bút chì đen	Cái	25	Trẻ	
37	MN342037	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	25	Trẻ	
38	MN342038	Đất nặn	Hộp	25	Trẻ	
39	MN342039	Giấy màu	túi	25	Trẻ	
40	MN342040	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	2	Trẻ	
41	MN342041	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	2	Trẻ	
42	MN342042	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	2	Trẻ	
43	MN342043	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	2	Trẻ	
44	MN342044	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3	Trẻ	
45	MN342045	Ghép nút lớn	Túi	2	Trẻ	
46	MN342046	Tháp dinh dưỡng	Tờ	1	Trẻ	
47	MN342047	Búp bê bé trai	Con	2	Trẻ	
48	MN342048	Búp bê bé gái	Con	2	Trẻ	
49	MN342049	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3	Trẻ	
50	MN342050	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2	Trẻ	
51	MN342051	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	6	Trẻ	(25 chi tiết)
52	MN342052	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3	Trẻ	
53	MN342053	Gạch xây dựng	Thùng	2	Trẻ	
54	MN342054	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2	Trẻ	
55	MN342055	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2	Trẻ	
56	MN342056	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2	Trẻ	
57	MN342057	Bộ động vật biển	Bộ	2	Trẻ	
58	MN342058	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2	Trẻ	
59	MN342059	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Trẻ	
60	MN342060	Bộ côn trùng	Bộ	2	Trẻ	
61	MN342061	Nam châm thẳng	Cái	3	Trẻ	
62	MN342062	Kính lúp	Cái	3	Trẻ	
63	MN342063	Phễu nhựa	Cái	3	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
64	MN342064	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1	Trẻ	
65	MN342065	Bộ làm quen với toán	Bộ	15	Trẻ	(Mẫu giáo 3- 4 tuổi)
66	MN342066	Con rối	Bộ	1	Trẻ	
67	MN342067	Bộ hình học phẳng	Túi	25	Trẻ	
68	MN342068	Bảng quay 2 mặt	Cái	1	Dùng chung	
69	MN342069	Tranh các loại hoa, quả, củ	Bộ	2	Dùng chung	
70	MN342070	Tranh các con vật	Bộ	2	Dùng chung	
71	MN342071	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	2	Dùng chung	
72	MN342072	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	2	Trẻ	
73	MN342073	Hộp thả hình	Cái	3	Trẻ	
74	MN342074	Bàn tính học đếm	Cái	3	Trẻ	
75	MN342075	Bộ tranh truyện mẫu giáo 3-4 tuổi	Bộ	1	Giáo viên	
76	MN342076	Bộ tranh minh họa thơ lớp 3-4 tuổi	Bộ	1	Giáo viên	
77	MN342077	Bảng con	Cái	25	Trẻ	
78	MN342078	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1	Giáo viên	
79	MN342079	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	1	Dùng chung	
80	MN342080	Màu nước	Hộp	25	Trẻ	
81	MN342081	Bút lông cỡ to	Cái	12	Trẻ	
82	MN342082	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12	Trẻ	
83	MN342083	Dập ghim	Cái	1	Giáo viên	
84	MN342084	Bìa các màu	Tờ	50	Giáo viên	
85	MN342085	Giấy trắng A0	Tờ	50	Dùng chung	
86	MN342086	Kẹp sắt các cỡ	Cái	10	Dùng chung	
87	MN342087	Dập lỗ	Cái	1	Giáo viên	
88	MN342088	Súng bắn keo	Cái	1	Giáo viên	
89	MN342089	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	3	Trẻ	
90	MN342090	Lịch của trẻ	Bộ	1	Trẻ	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BẢNG ĐĨA				
91 ²⁴		(được bãi bỏ)				
92 ²⁵		(được bãi bỏ)				

²⁴ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²⁵ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
93 ²⁶		(được bãi bỏ)				
94 ²⁷		(được bãi bỏ)				
95 ²⁸		(được bãi bỏ)				
96 ²⁹		(được bãi bỏ)				
97 ³⁰		(được bãi bỏ)				
98 ³¹		(được bãi bỏ)				
99 ³²		(được bãi bỏ)				
100	MN343100	Bảng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1	Giáo viên	
101	MN343101	Bảng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1	Giáo viên	
102	MN343102	Bảng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1	Giáo viên	
103	MN343103	Bảng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1	Giáo viên	
104	MN343104	Bảng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1	Giáo viên	

²⁶ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²⁷ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²⁸ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

²⁹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁰ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³¹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³² Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
LỚP MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI (30 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN451001	Giá phơi khăn	Cái	1	Trẻ	
2	MN451002	Cốc uống nước	Cái	30	Trẻ	
3	MN451003	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1	Trẻ	
4	MN451004	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
5	MN451005	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2	Trẻ	
6	MN451006	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Cái	1	Trẻ	
7	MN451007	Phản	Cái	15	Trẻ	
8	MN451008	Giá để giày dép	Cái	1	Trẻ	
9	MN451009	Xô	Cái	2	Trẻ	
10	MN451010	Chậu	Cái	2	Trẻ	
11	MN451011	Bàn giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
12	MN451012	Ghế giáo viên	Cái	2	Giáo viên	
13	MN451013	Bàn cho trẻ	Cái	15	Trẻ	
14	MN451014	Ghế cho trẻ	Cái	30	Trẻ	
15	MN451015	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
16	MN451016	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	2	Dùng chung	
17	MN451017	Đầu đĩa DVD	cái	1	Dùng chung	
18	MN451018	Ti vi	cái	1	Dùng chung	
19	MN451019	Đàn organ	cái	1	Giáo viên	
20	MN451020	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5	Trẻ	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
21	MN452021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	6	Trẻ	
22	MN452022	Mô hình hàm răng	Cái	3	Trẻ	
23	MN452023	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	30	Trẻ	
24	MN452024	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	30	Trẻ	
25	MN452025	Cổng chui	Cái	5	Trẻ	
26	MN452026	Cột ném bóng	Cái	2	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
27	MN452027	Vòng thẻ đục cho giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
28	MN452028	Gậy thẻ đục cho giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
29	MN452029	Bộ chun học toán	Cái	6	Trẻ	
30	MN452030	Ghế băng thẻ đục	Cái	2	Trẻ	
31	MN452031	Bục bật sâu	Cái	2	Trẻ	
32	MN452032	Nguyên liệu để đan tết	Kg	1	Trẻ	
33	MN452033	Các khối hình học	Bộ	10	Trẻ	
34	MN452034	Bộ xâu dây tạo hình	Hộp	10	Trẻ	
35	MN452035	Kéo thủ công	Cái	30	Trẻ	
36	MN452036	Kéo văn phòng	Cái	1	Giáo viên	
37	MN452037	Bút chì đen	Cái	30	Trẻ	
38	MN452038	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	30	Trẻ	
39	MN452039	Giấy màu	Túi	30	Trẻ	
40	MN452040	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	1	Trẻ	
41	MN452041	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	1	Trẻ	
42	MN452042	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	1	Trẻ	
43	MN452043	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	1	Trẻ	
44	MN452044	Tháp dinh dưỡng	Cái	1	Giáo viên	
45	MN452045	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	6	Trẻ	
46	MN452046	Bộ luân hạt	Bộ	5	Trẻ	
47	MN452047	Bộ lắp ghép	Bộ	2	Trẻ	(Khối chữ X)
48	MN452048	Búp bê bé trai	Con	3	Trẻ	
49	MN452049	Búp bê bé gái	Con	3	Trẻ	
50	MN452050	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	1	Trẻ	
51	MN452051	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2	Trẻ	
52	MN452052	Bộ tranh cảnh báo	Bộ	1	Giáo viên	
53	MN452053	Bộ ghép hình hoa	Bộ	3	Trẻ	
54	MN452054	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	3	Trẻ	
55	MN452055	Hàng rào nhựa	Bộ	3	Trẻ	
56	MN452056	Bộ xây dựng	Bộ	3	Trẻ	(51 Chi tiết)
57	MN452057	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2	Trẻ	
58	MN452058	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
59	MN452059	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2	Trẻ	
60	MN452060	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	1	Trẻ	
61	MN452061	Bộ động vật biển	Bộ	2	Trẻ	
62	MN452062	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2	Trẻ	
63	MN452063	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Trẻ	
64	MN452064	Bộ côn trùng	Bộ	2	Trẻ	
65	MN452065	Tranh vẽ các loài hoa, rau, quả, củ	Bộ	1	Trẻ	
66	MN452066	Nam châm thẳng	Cái	3	Trẻ	
67	MN452067	Kính lúp	Cái	3	Trẻ	
68	MN452068	Phễu nhựa	Cái	3	Trẻ	
69	MN452069	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1	Trẻ	
70	MN452070	Cân thăng bằng	Bộ	2	Trẻ	
71	MN452071	Bộ làm quen với toán	Bộ	15	Trẻ	(Mẫu giáo 4 - 5 tuổi)
72	MN452072	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	3	Trẻ	
73	MN452073	Bàn tính học đếm	Bộ	3	Trẻ	
74	MN452074	Bộ hình phẳng	Túi	30	Trẻ	
75	MN452075	Ghép nút lớn	Túi	3	Trẻ	
76	MN452076	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	3	Trẻ	
77	MN452077	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3	Trẻ	
78	MN452078	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	1	Giáo viên	
79	MN452079	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh	Bộ	1	Trẻ	
80	MN452080	Bảng quay 2 mặt	Cái	1	Trẻ	
81	MN452081	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1	Trẻ	
82	MN452082	Lô tô động vật	Bộ	10	Dùng chung	
83	MN452083	Lô tô thực vật	Bộ	10	Dùng chung	
84	MN452084	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	10	Dùng chung	
85	MN452085	Lô tô đồ vật	Bộ	10	Dùng chung	
86	MN452086	Tranh số lượng	Tờ	1	Trẻ	
87	MN452087	Domino học toán	Bộ	5	Trẻ	
88	MN452088	Bộ chữ số và số lượng	Bộ	15	Trẻ	
89	MN452089	Lô tô hình và số lượng	Bộ	15	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
90	MN452090	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	2	Dùng chung	
91	MN452091	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	2	Dùng chung	
92	MN452092	Bộ tranh mẫu giáo 4 - 5 tuổi theo chủ đề	Bộ	2	Dùng chung	
93	MN452093	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	1	Dùng chung	
94	MN452094	Lịch của bé	Bộ	1	Trẻ	
95	MN452095	Bộ chữ và số	Bộ	6	Trẻ	
96	MN452096	Bộ trang phục Công an	Bộ	1	Trẻ	
97	MN452097	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	1	Trẻ	
98	MN452098	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	1	Trẻ	
99	MN452099	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	1	Trẻ	
100	MN452100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	1	Trẻ	
101	MN452101	Gạch xây dựng	Thùng	1	Trẻ	
102	MN452102	Con rối	Bộ	1	Giáo viên	
103	MN452103	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái	5	Trẻ	
104	MN452104	Đất nặn	Hộp	30	Trẻ	
105	MN452105	Màu nước	Hộp	25	Trẻ	
106	MN452106	Bút lông cỡ to	Cái	12	Trẻ	
107	MN452107	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12	Trẻ	
108	MN452108	Dập ghim	Cái	1	Giáo viên	
109	MN452109	Bìa các màu	Tờ	50	Giáo viên	
110	MN452110	Giấy trắng A0	Tờ	50	Dùng chung	
111	MN452111	Kẹp sắt các cỡ	Cái	10	Dùng chung	
112	MN452112	Dập lỗ	Cái	1	Giáo viên	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BẢNG ĐĨA				
113 ³³		<i>(được bãi bỏ)</i>				
114 ³⁴		<i>(được bãi bỏ)</i>				

³³ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁴ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7
115 ³⁵		(được bãi bỏ)				
116 ³⁶		(được bãi bỏ)				
117 ³⁷		(được bãi bỏ)				
118 ³⁸		(được bãi bỏ)				
119 ³⁹		(được bãi bỏ)				
120 ⁴⁰		(được bãi bỏ)				
121 ⁴¹		(được bãi bỏ)				
122	MN453122	Bảng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1	Giáo viên	
123	MN453123	Bảng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1	Giáo viên	
124	MN453124	Bảng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1	Giáo viên	
125	MN453125	Bảng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1	Giáo viên	
126	MN453126	Bảng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1	Giáo viên	

³⁵ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁶ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁷ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁸ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

³⁹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁰ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴¹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON
LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI (35 TRẺ)**

*(Kèm theo Thông tư Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học
tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non)*

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	8
I		ĐỒ DÙNG				
1	MN561001	Giá phơi khăn	Cái	1	Trẻ	
2	MN561002	Cốc uống nước	Cái	35	Trẻ	
3	MN561003	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1	Trẻ	
4	MN561004	Bình ủ nước	Cái	1	Trẻ	
5	MN561005	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2	Trẻ	
6	MN561006	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	2	Trẻ	
7	MN561007	Phản	Cái	18	Trẻ	
8	MN561008	Giá để giày dép	Cái	2	Trẻ	
9	MN561009	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	2	Dùng chung	
10	MN561010	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1	Trẻ	
11	MN561011	Xô	Cái	2	Trẻ	
12	MN561012	Chậu	Cái	2	Trẻ	
13	MN561013	Bàn cho trẻ	Cái	18	Trẻ	
14	MN561014	Ghế cho trẻ	Cái	35	Trẻ	
15	MN561015	Bàn giáo viên	Cái	1	Giáo viên	
16	MN561016	Ghế giáo viên	Cái	2	Giáo viên	
17	MN561017	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5	Trẻ	
18	MN561018	Tivi	Cái	1	Dùng chung	
19	MN561019	Đầu đĩa DVD	Cái	1	Dùng chung	
20	MN561020	Đàn organ	Cái	1	Giáo viên	
II		THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU				
21	MN562021	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	6	Trẻ	
22	MN562022	Mô hình hàm răng	Cái	3	Trẻ	
23	MN562023	Vòng thẻ đục to	Cái	2	Trẻ	
24	MN562024	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	35	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	8
25	MN562025	Gậy thể dục nhỏ	Cái	35	Trẻ	
26	MN562026	Xắc xô	Cái	2	Giáo viên	
27	MN562027	Cổng chui	Cái	5	Trẻ	
28	MN562028	Gậy thể dục to	Cái	2	Giáo viên	
29	MN562029	Cột ném bóng	Cái	2	Trẻ	
30	MN562030	Bóng các loại	Quả	16	Trẻ	
31	MN562031	Đồ chơi Bowling	Bộ	5	Trẻ	
32	MN562032	Dây thùng	Cái	3	Trẻ	
33	MN562033	Nguyên liệu để đan tết	kg	1	Trẻ	
34	MN562034	Kéo thủ công	Cái	35	Trẻ	
35	MN562035	Kéo văn phòng	Cái	1	Giáo viên	
36	MN562036	Bút chì đen	Cái	35	Trẻ	
37	MN562037	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	35	Trẻ	
38	MN562038	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	1	Trẻ	
39	MN562039	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	1	Trẻ	
40	MN562040	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	1	Trẻ	
41	MN562041	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	1	Trẻ	
42	MN562042	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	1	Trẻ	
43	MN562043	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ	2	Trẻ	
44	MN562044	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	2	Trẻ	(51 Chi tiết)
45	MN562045	Bộ luân hạt	Bộ	5	Trẻ	
46	MN562046	Bộ lắp ghép	Bộ	2	Trẻ	(Khối chữ X)
47	MN562047	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2	Trẻ	
48	MN562048	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ		Trẻ	
49	MN562049	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1	Trẻ	
50	MN562050	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	2	Trẻ	
51	MN562051	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2	Trẻ	
52	MN562052	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Trẻ	
53	MN562053	Bộ côn trùng	Bộ	2	Trẻ	
54	MN562054	Cân chia vạch	Cái	1	Trẻ	
55	MN562055	Nam châm thẳng	Cái	3	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	8
56	MN562056	Kính lúp	Cái	3	Trẻ	
57	MN562057	Phễu nhựa	Cái	3	Trẻ	
58	MN562058	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1	Trẻ	
59	MN562059	Ghép nút lớn	Bộ	5	Trẻ	
60	MN562060	Bộ ghép hình hoa	Bộ	5	Trẻ	
61	MN562061	Bảng chun học toán	Bộ	5	Trẻ	
62	MN562062	Đồng hồ học số, học hình	Cái	2	Trẻ	
63	MN562063	Bàn tính học đếm	Cái	2	Trẻ	
64	MN562064	Bộ làm quen với toán	Bộ	15	Trẻ	(Mẫu giáo 5 - 6 tuổi)
65	MN562065	Bộ hình khối	Bộ	5	Trẻ	
66	MN562066	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	35	Trẻ	
67	MN562067	Bộ que tính	Bộ	15	Trẻ	
68	MN562068	Lô tô động vật	Bộ	15	Dùng chung	
69	MN562069	Lô tô thực vật	Bộ	15	Dùng chung	
70	MN562070	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	15	Dùng chung	
71	MN562071	Lô tô đồ vật	Bộ	15	Dùng chung	
72	MN562072	Domino chữ cái và số	Hộp	10	Trẻ	
73	MN562073	Bảng quay 2 mặt	Cái	1	Dùng chung	
74	MN562074	Bộ chữ cái	Bộ	15	Trẻ	
75	MN562075	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	5	Trẻ	
76	MN562076	Lịch của trẻ	Bộ	1	Trẻ	
77	MN562077	Tranh ảnh về Bác Hồ	Bộ	1	Giáo viên	
78	MN562078	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1	Giáo viên	
79	MN562079	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	Bộ	1	Giáo viên	
80	MN562080	Bộ tranh truyện mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	2	Giáo viên	
81	MN562081	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	2	Giáo viên	
82	MN562082	Bộ Tranh mẫu giáo 5 - 6 tuổi theo chủ đề	Bộ	2	Giáo viên	
83	MN562083	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	3	Trẻ	
84	MN562084	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	2	Trẻ	
85	MN562085	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	2	Trẻ	
86	MN562086	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	2	Trẻ	
87	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	1	Trẻ	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	8
88	MN562088	Búp bê bé trai	Con	3	Trẻ	
89	MN562089	Búp bê bé gái	Con	3	Trẻ	
90	MN562090	Bộ trang phục công an	Bộ	2	Trẻ	
91	MN562091	Doanh trại bộ đội	Bộ	2	Trẻ	
92	MN562092	Bộ trang phục bộ đội	Bộ	2	Trẻ	
93	MN562093	Bộ trang phục công nhân	Bộ	2	Trẻ	
94	MN562094	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2	Trẻ	
95	MN562095	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ	2	Trẻ	
96	MN562096	Gạch xây dựng	Thùng	2	Trẻ	
97	MN562097	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	2	Trẻ	(44 Chi tiết)
98	MN562098	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3	Trẻ	
99	MN562099	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái	12	Trẻ	
100	MN562100	Đất nặn	hộp	30	Trẻ	
101	MN562101	Màu nước	Hộp	25	Trẻ	
102	MN562102	Bút lông cỡ to	Cái	12	Trẻ	
103	MN562103	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12	Trẻ	
104	MN562104	Dập ghim	Cái	1	Giáo viên	
105	MN562105	Bìa các màu	Tờ	50	Giáo viên	
106	MN562106	Giấy trắng A0	Tờ	50	Dùng chung	
107	MN562107	Kẹp sắt các cỡ	Cái	10	Dùng chung	
108	MN562108	Dập lỗ	Cái	1	Giáo viên	
III		SÁCH - TÀI LIỆU - BẢNG ĐĨA				
109 ⁴²		(được bãi bỏ)				
110 ⁴³		(được bãi bỏ)				
111 ⁴⁴		(được bãi bỏ)				
112 ⁴⁵		(được bãi bỏ)				
113 ⁴⁶		(được bãi bỏ)				
114 ⁴⁷		(được bãi bỏ)				
115 ⁴⁸		(được bãi bỏ)				
116 ⁴⁹		(được bãi bỏ)				
117 ⁵⁰		(được bãi bỏ)				
118 ⁵¹		(được bãi bỏ)				
119	MN563119	Bảng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1	Giáo viên	

TT	MÃ SỐ	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	8
120	MN563120	Bảng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1	Giáo viên	
121	MN563121	Bảng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1	Giáo viên	
122	MN563122	Bảng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1	Giáo viên	
123	MN563123	Bảng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1	Giáo viên	
124	MN563124	Bảng/đĩa hình các hoạt động giáo dục theo chủ đề	Bộ	1	Giáo viên	

⁴² Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴³ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁴ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁵ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁶ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁷ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁸ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁴⁹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁵⁰ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

⁵¹ Thiết bị này được bãi bỏ theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng